TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 123/2017/QĐST-HNGĐ	*Đức Huệ, ngày 31 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 161/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh L.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc M - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn H - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh L và bà Trần Thị Ngọc M - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Ngọc M thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Ngọc M được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 19/11/2009 (theo nguyện vọng con chung) và Phạm Thanh P, sinh ngày 19/02/2014, hiện các con chung đang sống với ông H và bà M. Ông Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông H và bà M có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà M cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Ngọc M mỗi người chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (biên lai thu số 0008012 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ). Ông H tự nguyện nộp thay phần án phí của bà M. Sau khi khấu trừ tiền án phí dân sự sơ thẩm với tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp, ông H và bà M đã nộp đủ án phí. Trả lại cho ông H 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Trần Thị Bích Liên